

# Phong tục ở rể trong truyện cổ tích sinh hoạt các dân tộc nhóm Tày - Thái

**Th.s ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG**

(Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

**Tóm tắt:** Có thể thấy, hôn nhân là việc “đại sự” trong cuộc đời mỗi người và chịu sự quy định của những nghi lễ và phong tục lâu đời. Trong xã hội của các dân tộc Tày - Thái, chế độ phụ quyền đã thống trị từ lâu nên đặc tính hôn nhân có tính chất “gả bán”, hôn nhân một vợ một chồng nên sau khi kết hôn người vợ phải cư trú và chịu sự chi phối của nhà chồng. Tuy nhiên, với gia đình phụ hệ, bên cạnh vai trò trụ cột của người đàn ông, người phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong sản xuất và quản lý kinh tế. Vì thế khi người con gái đi lấy chồng, gia đình cô gái sẽ mất đi một nhân lực và chàng trai phải sang cư trú bên nhà vợ một thời gian để “bù đắp” sự hao hụt về nhân lực này. Từ đây hình thành tục ở rể. Tục ở rể trong đời sống của các dân tộc Tày - Thái được diễn ra dưới hai hình thức: ở rể tạm và ở rể cả đời đã đi vào truyện cổ tích sinh hoạt như một nhu cầu tất yếu để phản ánh hiện thực xã hội.

**Từ khóa:** ở rể, truyện cổ tích sinh hoạt.

1. Phong tục là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc. Việc nghiên cứu phong tục đã được các nhà nghiên cứu quan

tâm trên các phương diện như: phong tục là “thói quen, tục lệ đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo” [12]; “thói quen tốt của một xã hội” [6]; “Gắn liền với tín ngưỡng là phong tục. Đó là những thói quen ăn sâu vào đời sống xã hội từ lâu, được đa số mọi người thừa nhận và làm theo... Phong tục có trong mọi mặt của đời sống” [16]. Như vậy, phong tục là thói quen đã có từ lâu, nó ăn sâu vào tiềm thức của cộng đồng và tồn tại một cách phổ biến trong đời sống xã hội của con người. Hôn nhân là việc “đại sự” trong cuộc đời mỗi người và chịu sự quy định của những nghi lễ và phong tục lâu đời. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc nên phong tục hôn nhân của mỗi tộc người sẽ có những yếu tố thống nhất và có những nét độc đáo riêng biệt. Điều này bắt nguồn từ cơ sở địa - văn hóa, lịch sử xã hội, tâm lí, chủng tộc... của mỗi tộc người trong những điều kiện tự nhiên và xã hội cụ thể.

Trong xã hội của các dân tộc Tày - Thái, chế độ phụ quyền đã thống trị từ lâu nên đặc tính hôn nhân có tính chất “gả bán”. Hình thái hôn nhân là hôn nhân một vợ một chồng nên sau khi kết hôn người vợ phải cư trú và chịu sự chi phối của nhà

chồng [8]. Tuy nhiên, trong gia đình phụ hệ, bên cạnh vai trò trụ cột của người đàn ông, người phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong sản xuất và quản lý kinh tế gia đình. Vì thế khi người con gái đi lấy chồng, gia đình nhà gái sẽ mất đi một nhân lực và chàng trai phải sang cư trú bên nhà vợ một thời gian để “bù đắp” sự hao hụt về nhân lực. Từ đây hình thành tục ở rể. Như vậy, tục ở rể tồn tại trong đời sống của các dân tộc như một nét văn hóa lâu đời, có ý nghĩa tạo nên sự gắn kết hôn nhân, đặc biệt giúp nhà gái đánh giá mức độ siêng năng, chịu khó của chàng rể tương lai.

Trong thực tế đời sống, phong tục ở rể của các dân tộc Tày - Thái được diễn ra dưới hai hình thức: ở rể tạm và ở rể cả đời. Theo phong tục, ở rể trước khi cưới được tính từ khi một chàng trai trưởng thành cảm mến một cô gái. Khi đó, chàng trai thể hiện mong muốn được sinh sống ở nhà cô gái nếu được gia đình cô gái đồng ý. Thời gian ở rể là thời gian thử thách lòng kiên trì, tài năng và tính cách của chàng rể, để chàng rể cảm ơn công sinh thành, nuôi dưỡng của gia đình nhà gái. Chàng trai đóng vai trò như một thành viên gia đình, là một lao động chính của nhà gái. Trong thời gian ở rể, chàng trai không được ngủ chung chăn gối với vợ. Sau thời gian ở rể, nhà trai và nhà gái làm lễ chung chẵn. Khi đó chàng trai và cô gái chính thức trở thành vợ chồng. Cũng có những nơi, ở rể tạm là khoảng thời gian sau khi kết hôn, chú rể phải sang sinh sống bên nhà vợ một thời gian. Thời gian ở rể bao lâu là do sự thỏa thuận giữa gia

đình nhà trai và nhà gái (thường từ 1 - 3 năm). Chẳng hạn, dân tộc Cao Lan có tục ở rể trong ba năm đầu khi cưới, đến khi có con đầu lòng mới chuyển hẳn về nhà chồng; dân tộc Thái có tục ở rể thực thụ từ ba đến bốn năm; người Tày có tục ở rể từ khi cưới đến khi người vợ sinh con để cái mới về nhà chồng.

Trường hợp thứ hai ở rể cả đời. Theo phong tục này, những gia đình sinh toàn con gái, họ sẽ tìm những gia đình có nhiều con trai, hai bên mai mối thống nhất định ngày cưới. Chàng rể phải ở hẳn nhà bố mẹ vợ suốt đời. Có nơi chàng rể phải đổi họ nên được quyền thừa kế tài sản, có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên nhà vợ. Người Sán Chí (tên gọi một ngành khác của người Sán Chay) thường có tục nhận *con rể bán đầu* trong trường hợp gia đình không có con trai nối dõi tông đường, kế thừa hương hỏa. Nhà gái sẽ tìm một chàng trai đến ở rể cả đời mà không phải đổi họ, được thừa kế tài sản và phải có trách nhiệm với cha mẹ vợ. Người con rể ấy được gọi là  *rể bán đầu*. Khi chàng trai tự nguyện làm rể bán đầu, anh ta không phải chịu nghĩa vụ nặng nề đối với bố mẹ đẻ mà chỉ có trách nhiệm theo quan hệ tình cảm. Trong trường hợp, nhà gái có nhiều rể, bố mẹ cô gái sẽ lựa chọn (thường chọn con rể cả hoặc con rể út) làm rể bán đầu. Khi chọn được chàng rể bán đầu ưng ý, bố mẹ cô gái phải chịu tục thách cưới do nhà trai đưa ra, đồng thời phải chịu toàn bộ chi phí của đám cưới [5]. Dân tộc Tày và dân tộc Thái cũng có tục lệ tìm *con rể nạp tế*. Họ tìm con rể nạp tế khi nhà không có con trai, chỉ có con

gái (hoặc 3 - 4 con gái). Gia đình nhà gái phải tìm cho con gái một người chồng đến ở hẳn bên nhà mình để thừa kế gia sản và giữ chân hương hỏa. Người con rể ấy được gọi là *rể nạp tế*. Tuy nhiên, việc tìm những chàng rể nạp tế không phải là vấn đề phổ biến trong xã hội người Tày, Thái. Rể nạp tế là do cha mẹ nhà gái chủ động đi tìm lựa chọn cho con gái mình. Thông thường, những chàng trai được chọn và đồng ý làm rể nạp tế là con những nhà có nhiều con trai hoặc con những nhà nghèo, khó cưới được vợ. Khi tìm được chàng rể vừa ý, nhà gái bắt tin qua một người trung gian. Nếu được nhà trai đồng ý, bố mẹ cô gái trực tiếp đến trao đổi, bàn bạc quyết định việc trọng đại của hai gia đình. Trong trường hợp này, nhà gái hoàn toàn chủ động từ lễ dạm, lễ hỏi, lễ sêu tết, lễ cưới, lễ đón rể. Tiêu chí chọn rể nạp tế đó là “Chiêm lừa chiêm bươn lắp, chiêm khươi chiêm gắp phư” (Chọn dâu thì chọn vào tháng chạp, chọn rể thì ngắm đường bừa). Sau ngày cưới, chàng rể nạp tế sẽ cư trú hẳn bên nhà vợ và mang họ nhà vợ [1]. Có trường hợp chú rể đón sang ở nhà gái một thời gian dài nhưng không được coi là rể nạp tế. Trường hợp này xảy ra khi nhà vợ có con trai nhưng còn nhỏ tuổi. Việc đón rể lớn về ở nhà mình để giúp đỡ và làm nơi nương tựa trông nom đứa em cậu bé bỏng cho đến tuổi trưởng thành. Khi nào cậu em vợ này xây dựng gia đình thì anh rể mới được đưa vợ con trở về nhà mình. Người Tày gọi chú rể này là *Khươi roảng (con rể ở gửi)*.

2. Tục ở rể trong đời sống sinh hoạt của đồng bào các dân tộc nhóm Tày - Thái đã

đi vào truyện cổ tích sinh hoạt như một sáng tạo tất yếu để phản ánh hiện thực xã hội, giải quyết các mâu thuẫn xung đột gia đình (giữa bố mẹ cô gái và chàng trai) và bên vực những chàng trai nghèo khổ đồng thời thể hiện ước mơ khát vọng của họ. Trong quá trình khảo sát tư liệu truyện cổ tích sinh hoạt các dân tộc Tày - Thái, chúng tôi thấy xuất hiện 10 truyện có đề cập đến vấn đề ở rể: *Bố vợ, chàng rể* (Tày) [14]; *Chàng rể - bố vợ, Mẹ vợ - con rể* (Thái) [4], *Chàng rể lười* (Nùng)[3], *Chàng rể ngốc, Chàng trai thông minh, Con rể lấu cá, Sự tích con bìm bịp, Tà - Khươi* (Tày) [17], *Chúa bản kén rể* (Tày) [2]. Qua quá trình khảo sát tư liệu truyện cổ tích sinh hoạt Tày - Thái, chúng tôi nhận thấy sự hiện diện của phong tục ở rể của các dân tộc có tỉ lệ không đồng đều. Phổ biến nhất là dân tộc Tày (7/10 truyện). Ở rể là một tục lệ truyền thống của người Tày. Người Tày cũng có hai hình thức ở rể: ở rể tạm và ở rể cả đời. Theo tục lệ, con gái mới cưới chưa về ở hẳn nhà chồng ngay mà phải có một thời gian quá độ đi lại cả hai bên nhà chồng và nhà cha mẹ mình vài ba năm cho tới khi sinh con để cái mới về ở hẳn nhà chồng (trường hợp ở rể tạm). Bên cạnh đó, một số gia đình không có con trai nối dõi tông đường, kế thừa gia sản, không có người hương khói nên họ đã xây dựng phong tục “*lấy rể kế thế*”. Theo phong tục này, những gia đình sinh toàn con gái, họ sẽ tìm những gia đình có nhiều con trai, hai bên mai mối thống nhất định ngày cưới. Chàng rể được quyền thừa kế tài sản, có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên nhà vợ. Theo quy định truyền

thống, khi ở rể, chàng trai người Tày phải bỏ tên họ của mình, mang tên họ bên vợ. Ngay trong ngày cưới, cái tên này được báo cáo tổ tiên và theo chàng rể đến suốt cuộc đời. Đó là một cách gắn kết mật thiết chàng rể với họ hàng nhà vợ. Đây chính là nét nhân văn sâu sắc, cái nhìn tiến bộ, tích cực của đồng bào Tày. Qua nghiên cứu tư liệu truyện cổ tích sinh hoạt dân tộc Tày, chúng tôi nhận thấy gia đình nhà gái thường sinh con một bề (con gái) nên bố mẹ cô gái muốn lấy rể về ở nhà mình. Chẳng hạn: hai vợ chồng chỉ sinh được một cô con gái đến tuổi trưởng thành, ông bà đi xin rể về nhà (*Chàng rể ngốc* - Tày); gia đình chỉ sinh hạ được một cô con gái. Khi con gái đến tuổi lấy chồng, hai ông bà kén được một người con rể rất khôi ngô, tuấn tú. Hàng ngày hai bố con vào rừng, lên nương làm việc nhưng chàng rể lại có tính láu cá, luôn tìm cách trốn việc (*Con rể láu cá* - Tày); ở bản nọ có hai vợ chồng chỉ sinh hạ được một mụn con gái. Cô gái đến tuổi lấy chồng, hai ông bà liền xin lấy rể. Chàng rể là người chăm chỉ, chịu khó nhưng tính nết có phần cục cằn, thô lỗ nên bố mẹ vợ ít nhiều không bằng lòng (*Sự tích con bìm bịp* - Tày). Việc hàng ngày, chàng rể và bố vợ cùng nhau ra ruộng làm đã đề cập đến phong tục ở rể của người Tày; ở một bản nọ có gia đình phú ông giàu có, chỉ sinh được hai đứa con gái. Do được nuông chiều từ bé nên hai cô đâm ra hư hỏng. Về sau, cô gái lớn bảo bố mẹ kén rể theo ý mình. Vì thế, cô lấy phải người chồng to xác, lười làm, tham ăn nên “ở rể một thời gian, cái tính lười làm, tham ăn của anh này bắt đầu lộ

ra” (*Ta - Khươi - Tày*). Việc các chàng rể cư trú, lao động sản xuất và phải ứng xử đối đáp với gia đình nhà vợ trong cuộc sống hàng ngày đã thể hiện rõ nét phong tục ở rể của đồng bào Tày.

Ở rể là nét đặc trưng nhất trong phong tục hôn nhân của người Thái. Theo quan niệm của người Thái, ở rể là để trả công cha mẹ vợ đã sinh ra và nuôi dưỡng cô dâu nên người; đồng thời đó cũng là thời gian để thử thách lòng kiên trì và tài năng, tính cách của chàng rể. Chỉ sau thời gian ở rể, người Thái mới tiến hành lễ cưới chính thức cho đôi vợ chồng trẻ, cuộc hôn nhân từ đó mới được gia đình, dòng tộc và xã hội công nhận [11]. Như vậy, việc ở rể là yêu cầu bắt buộc trong hôn nhân của dân tộc Thái. Trong truyện *Chàng rể - bố vợ* (Thái), bố vợ là một người cần cù lao động nên ông đã nuôi được cả gia đình và có của ăn của để. Nhà ông có một cô con gái cứng nhưng với gia đình ông thiếu thốn nhất là “chữ nghĩa” và sự “khôn ngoan”. Ông định bụng gả con gái cho người “lắc lem” (sắc nhọn) để thỏa nỗi mong chờ. Cuối cùng, ông đã chọn được “một anh chàng mặt mũi trắng trẻo, khéo mồm mép, đi đứng hoạt bát... Chàng trai khôn ngoan nọ đã đến nhà ông làm “rể quản” và chờ thử thách, nếu tốt sẽ làm rể chính thức”. Câu chuyện chàng rể khôn ngoan và ông bố vợ cần cù, chăm chỉ đã đề cập đến phong tục ở rể của người Thái. Trong thời gian ở “rể quản” nhà bố vợ, chàng trai luôn phải là người thức khuya, dậy sớm, làm những công việc nương rẫy, ruộng đồng cũng như mọi công việc khác cho nhà vợ. Chàng rể quản phải thể hiện khả

năng lao động cùng những đức tính, phẩm chất tốt đẹp để bố mẹ vợ cảm thấy đây là một chàng trai xứng đáng và “chọn ngày lành tháng tốt, mấy ngày sau, người ta thấy ông bảo với họ hàng ngày tháng đẹp dịch mếp chẵn đệm cho chàng rể sát với chẵn đệm của con gái mình”. Phong tục ở rể của người Thái được phản ánh cụ thể hơn trong *Mẹ vợ - con rể*. Một bà mẹ thông hiểu tục ngữ và thường vận dụng trong việc giáo dục con cái. Gia đình ấy không thiếu những hiểu biết ở đời những lại thiếu người có sức và cần cù làm ăn nên bà đã lựa chọn người bạn trăm năm cho con gái mình một người chăm chỉ làm ăn dù hơi chậm hiểu đôi chút. Bà đã chọn được một chàng rể như ý. Trong truyện, phong tục ở rể được đề cập qua các giai đoạn. Ngay từ ngày đầu về nhà bà, “chàng trai làm việc rất chăm chỉ, từng đám ruộng, nương đất vuông vắn, gọn đẹp dưới bàn tay của anh, dưới sự chỉ dẫn của mẹ vợ... Làm thì thế, nhưng ăn thì anh lại hay xấu hổ”. Đây là khoảng thời gian thử thách sự chăm chỉ, cần cù của chàng rể trong lao động. Ở giai đoạn này, chàng trai tuy ngờ nghệch, chậm hiểu nhưng rất chăm chỉ, thật thà nên mẹ vợ càng quý con rể hơn. Thời gian sau, bà mẹ cho “xích mếp đệm, mếp chẵn của con rể liền chẵn con gái mình”. Đây là giai đoạn, hai gia đình làm lễ “khử khươi” (lên ở rể). Để làm lễ “khử khươi”, họ phải mổ trâu làm thịt mời họ hàng đến cùng vui. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn mẹ vợ “cho hai con ra ở riêng” - giai đoạn hai người chính thức được công nhận là vợ chồng nên phải “lo tính lấy vốn liếng”, phải “cùng nhau vào rừng tìm phá

lấy nương riêng của mình”.

Song song với ý nghĩa tốt đẹp của việc ở rể cũng có chuyện tiêu cực là nhà gái lợi dụng việc ở rể của con rể tương lai để không phải thuê mướn thêm nhân công, tốn thêm tiền bạc. Từ phong tục tốt đẹp chuyển thành sự lợi dụng như truyện *Chúa bản kén rể* (Tày). Lão nhà giàu nhất bản có cô con gái đã ba mươi tuổi mà chưa lấy chồng. Ông ta nghĩ ra một mẹo dùng con gái mình làm “con chim” nhử để các chàng trai đến ở làm giàu cho nhà lão. Nhiều chàng trai đến ở ba năm, nghĩ mình sẽ được nhận làm rể. Ba năm ở nhà lão, các chàng trai đã làm ra bao nhiêu của cải cho lão nhưng vẫn không được kết hôn với con gái lão.

Như vậy, ở rể là một tập tục có từ lâu đời và nó tồn tại như một nét văn hóa độc đáo trong phong tục cưới hỏi của nhiều dân tộc trên đất nước Việt Nam như Tày, Thái, Dao, Cao Lan, Bố Y, Khơ Mú, Kháng, Ra Giai, Ê đê, Pà Thẻn... Phong tục này được phản ánh một cách rõ nét trong truyện cổ tích sinh hoạt của một số dân tộc Tày - Thái. Tuy nhiên, qua sự phân tích tư liệu hiện có, chúng tôi nhận thấy phong tục ở rể được phản ánh một cách chân thực, sinh động nhất trong truyện cổ tích sinh hoạt của hai dân tộc Tày, Thái. Các chàng trai sau khi được nhà gái đồng ý sẽ đến ở rể và tham gia vào mọi hoạt động lao động sản xuất, mọi sinh hoạt bên nhà gái. Trong quan niệm của đồng bào Tày, Thái, một chàng rể “lý tưởng” phải là một người biết chăm chỉ, cần cù, chịu thương chịu khó, biết cách đối đáp ứng xử với nhà vợ. Sau một thời

gian thử thách, nhà gái sẽ cho chàng trai “ghép chung chăn đệm với con gái mình” hoặc cho hai vợ chồng ra ở riêng. Việc chàng trai đến ở rể tạm hoặc ở rể cả đời của đồng bào Tày - Thái đã thể hiện ý nghĩa nhân văn sâu sắc của trong phong tục hôn nhân. Thời gian ở rể không chỉ là thời gian chàng rể “bồi thường” sự hao hụt về nhân lực của nhà gái mà còn là sự đền đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục của bố mẹ vợ.

### 3. Kết luận

Có thể nói, tục ở rể là một nét đẹp độc đáo trong phong tục hôn nhân người Việt Nam nói chung, của các dân tộc Tày - Thái nói riêng. Việc chàng trai trước khi kết hôn hoặc sau khi kết hôn phải sang cư trú nhà vợ một thời gian (ở rể tạm) hoặc cư trú cả đời (ở rể cả đời) đã phản ánh “khá trung thực và sống động các yếu tố văn hóa bản địa” [10] trong truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích sinh hoạt các dân tộc Tày - Thái nói riêng. Nếu như thời kì công xã nguyên thủy gắn liền với hình thức quần hôn, hôn nhân nội tộc thì sang thời kì công xã thị tộc phát triển, hôn nhân quần hôn dần bị thay thế bởi hôn nhân cá thể cùng với đó là việc kết hôn ngoại tộc. Sang thời kì phong kiến, bên cạnh một số dân tộc vẫn tồn tại chế độ mẫu hệ (như một số dân tộc ở Trường Sơn - Tây Nguyên) thì đa số các dân tộc đã chuyển sang hình thái gia đình phụ hệ nên người vợ phải sang sinh sống bên nhà chồng. Vì vậy, một chàng trai muốn đưa vợ về nhà mình cư trú phải đáp ứng các điều kiện của nhà gái đưa ra như lễ vật, tiền bạc và sự chăm chỉ siêng năng trong lao động...

Do đó, chàng trai phải sang cư trú “tạm” bên nhà vợ một thời gian để vượt qua các thử thách. Đây là cơ sở hình thành nên tục ở rể. Phong tục này tạo nên sức hấp dẫn cho truyện cổ tích sinh hoạt các dân tộc Tày - Thái.

1. Triều Ân - Hoàng Quyết (2010), *Tục cưới xin của dân tộc Tày*, Nxb. Đại học Quốc gia
2. Triều Ân (2015), *Truyện kể dân gian dân tộc thiểu số*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Bắc (1997), *Truyện cổ xứ Lạng*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Cẩm Cường (1986, 1987), *Truyện dân gian Thái, quyển 1 & 2*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Khổng Diễm, Trần Bình, Đặng Thị Hoa, Đào Huy Khuê (2003), *Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
6. Nguyễn Bích Hà (2014), *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Hoàng Ngọc La (chủ biên), Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn (2002), *Văn hóa dân gian Tày*, Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên.
8. Lã Văn Lồ, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội
9. Quẩn Vi Miên, Vi Khâm Mun (2015), *Truyện cổ Thái*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Võ Quang Nhơn (1983), *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
11. Đặng Thị Oanh (2011), *Văn hóa Thái những tri thức dân gian*, Nxb. Thanh Niên.
12. Hoàng Phê (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng
13. Lâm Quý (2004), *Văn hóa Cao Lan*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Hoàng Quyết (1963), *Truyện cổ Việt Bắc*, Nxb. Văn hóa.
15. Hoàng Quyết (1986), *Truyện cổ Tày Nùng*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
16. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục
17. Vũ Anh Tuấn (2002), *Truyện cổ Bắc Kạn*, 3 tập, Nxb. Sở Văn hóa Thông tin và thể thao Bắc Kạn.